

Bản án số: 16/2024/DS - ST  
Ngày: 06 - 02- 2024  
V/v “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp  
đồng tặng cho quyền sử dụng đất”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm My.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Tấn Lợi;

Ông Nguyễn Thanh Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 412/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Huy T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ Q, ấp K, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của anh T:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ K, Khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1978; chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ R ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (anh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị T2 vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức Anh K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Xóm R, thôn Vi, xã H, huyện P, tỉnh Bình Thuận. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Văn phòng Công chứng Bùi Văn H. Địa chỉ: Số X, đường A, Khu phố B, thị trấn T, Huyện T, Tây Ninh. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Phạm Huy T do bà Nguyễn Thị H đại diện trình bày:*

Vào ngày 03/8/2022, vợ chồng anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 có vay của anh Phạm Huy T số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Ngày 19/11/2022, anh T1, chị T2 vay tiếp của anh T số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng 02 lần vay là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Do anh T1, chị T2 không trả nợ đúng hạn nên ngày 03/01/2023, anh T khởi kiện anh T1, chị T2 để yêu cầu trả số tiền nợ vay là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1, chị T2 cố tình tránh mặt, không đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhằm kéo dài thời gian. Kết quả giải quyết vụ án: Bản án số 59/2023/DSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu và Bản án số 283/2023/DS-PT ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, buộc vợ chồng anh T1, chị T2 có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 197.000.000 (Một trăm chín mươi bảy triệu) đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực, anh T làm đơn yêu cầu thi hành án thì được biết anh T1, chị T2 không còn tài sản để thi hành án. Anh T1, chị T2 có 01 phần đất nhưng đã tẩu tán. Ngày 18/5/2023, anh T1, chị T2 đã đến Văn phòng công chứng Bùi Văn H xác lập hợp đồng tặng cho em ruột của anh T1 là anh Nguyễn Đức Anh K phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 92, tờ bản đồ 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu đã xác minh hiện nay anh T1, chị T2 không còn tài sản nào khác.

Thửa đất nói trên là tài sản duy nhất của anh T1, chị T2 nhưng anh T1, chị T2 nhờ em ruột đứng tên, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Do đó, anh T khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/05/2023 giữa anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 và anh Nguyễn Đức Anh K, đối với phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thửa 92, tờ bản đồ 55; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS07910 ngày 09/03/2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, anh Nguyễn Đức Anh K đứng tên; đất tọa lạc ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn là anh Nguyễn Đức T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2023:*

Anh và anh Phạm Huy T là người cùng địa phương nên có quen biết nhau, không có quan hệ họ hàng gì. Anh và chị Nguyễn Thị T2 là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào khoảng tháng 4/2023.

Từ trước đến nay anh chưa từng vay tiền của anh T, trong thời gian anh đi làm ở tỉnh Bình Thuận thì chị T2 ở nhà có vay tiền của anh T nhưng cụ thể như thế nào thì anh không biết. Sau đó thì anh T khởi kiện yêu cầu anh cùng chị T2 có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Anh không đồng ý nên kháng cáo.

Phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh và căn nhà trên đất là của em trai của anh là anh Nguyễn Đức Anh K; anh K cho anh ở nhờ. Anh làm hợp đồng tặng cho anh K quyền sử dụng phần đất này vì thực chất phần đất này là của anh K trước đây mua

của ông Lê Văn N với giá khoảng 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng. Tại thời điểm làm sổ thì anh K đang sinh sống tại tỉnh Bình Thuận nên nhờ anh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi anh K mua đất của ông N thì anh T1, anh K sử dụng phần đất này làm vườn ươm cao su. Năm 2001, anh T1 kết hôn với chị Nguyễn Thị T2. Sau đó, anh K dành dụm tiền cất nhà trên đất cho anh em trong gia đình ở, bao gồm: Vợ chồng anh T1, anh K, em trai tên Nguyễn Đức Tài (đã chết năm 2022) cùng mẹ. Đến năm 2010 thì anh K lấy vợ rồi về tỉnh Bình Thuận sinh sống. Anh Tài đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng đi đi về về. Mẹ anh về Bình Thuận sinh sống vào năm 2019. Vợ chồng anh quản lý, sử dụng căn nhà và đất đến đầu năm 2023 thì chị T2 cũng bỏ đi.

Do vợ chồng anh ly hôn nên anh K phải lấy lại phần đất này. Thực tế, anh K vẫn cho anh ở nhờ trên đất vì anh không còn chỗ ở nào khác.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh T1, chị T2 với anh K đối với phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 92, tờ bản đồ 55; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS07910 ngày 09/03/2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, anh Nguyễn Đức Anh K đứng tên; đất tọa lạc ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; anh không đồng ý. Vì phần đất này anh chỉ đứng tên giùm anh K. Nay anh K đòi lại thì anh trả. Anh không trốn tránh nghĩa vụ gì với anh T nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh T.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 vắng mặt trong quá trình tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập chị Nguyễn Thị T2 đến Tòa án để làm việc, nhưng chị T2 đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ văn bản nào ý kiến về nội dung vụ án, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức Anh K trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2023:*

Phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh và căn nhà trên đất là của anh mua của ông Lê Văn Năm năm 2003 với giá 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

Nguồn tiền có được từ việc anh bán con bò được 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng. Các anh em trong gia đình cho anh phần còn lại để anh đủ tiền mua, sau đó anh cho các anh em trong gia đình và mẹ ở chung.

Năm 2003, sau khi mua đất của ông N thì anh trồng vườn ươm cao su. Đến năm 2007, anh cất nhà tường cấp 4 trên đất. Năm 2009, anh lấy vợ, về quê vợ tại tỉnh Bình Thuận sinh sống.

Khi anh mua đất của ông N không tách sổ liền mà tới khi ông N bán đất cho người khác thì mới tách sổ một lần. Tại thời điểm làm thủ tục sang tên, tách sổ thì

anh đang sinh sống tại tỉnh Bình Thuận, điều kiện đi lại khó khăn nên anh nhờ anh trai là anh Nguyễn Đức T1 đứng tên giùm để tiện việc vay tiền lo cho mẹ.

Anh xác định phần đất 501,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của anh, anh T1 chỉ ở nhờ trên đất. Nay anh có nhu cầu sử dụng nên lấy lại đất để lo cho mẹ khi về già.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh T1, chị T2 với anh đối với phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, anh không đồng ý, vì phần đất này là của anh; anh T1 chỉ đứng tên giùm. Việc vay mượn giữa anh T và chị T2, anh T1 anh không biết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Bùi Văn H trình bày:*

Theo hồ sơ lưu trữ, ngày 18/5/2023, anh Nguyễn Đức Tuấn, chị Nguyễn Thị T2 (bên tặng cho) và ông Nguyễn Đức Anh K (bên nhận tặng cho) đến Văn phòng Công chứng Bùi Văn H yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 55; địa chỉ thửa đất: Ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Công chứng viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Công chứng các văn bản pháp luật có liên quan;

Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng đã xuất trình đầy đủ giấy tờ, tự nguyện giao kết hợp đồng, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Công chứng viên đã giải thích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng; các bên đã đọc và đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng, ký vào từng trang hợp đồng; đã ký và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất;

Tại thời điểm công chứng, văn phòng công chứng không nhận được bất cứ văn bản ngăn chặn nào của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 122, Điều 124 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của anh Phạm Huy T. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/5/2023 giữa anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 và anh Nguyễn Đức Anh K được công chứng tại Văn phòng Công chứng Bùi Văn H, đối với phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thửa 92, tờ bản đồ 55; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS07910 ngày 09/03/2016; do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp; anh Nguyễn Đức Anh K đứng tên; đất tọa lạc ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh vô hiệu. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phan Huy Tùng khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/5/2023 giữa anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 và anh Nguyễn Đức Anh K đối với phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thửa 92, tờ bản đồ 55; đất tọa lạc ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, là vụ kiện tranh chấp yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Đất tranh chấp tọa lạc tại xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H; bị đơn là anh Nguyễn Đức T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức Anh K và Văn phòng Công chứng Bùi Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn là chị Nguyễn Thị T2 được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Huy T thấy rằng:

[3.1] Năm 2022, anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 có vay của anh Phạm Huy T số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng nhưng không trả. Do đó, ngày 03/01/2023, anh Phạm Huy T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 trả tiền nợ vay.

Vụ án đang trong quá trình giải quyết thì ngày 18/5/2023, anh T1, chị T2 đến Văn phòng công chứng Bùi Văn H xác lập hợp đồng tặng cho em ruột của anh T1 là anh Nguyễn Đức Anh K phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thửa 92, tờ bản đồ 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[3.2] Bản án số 59/2023/DSST ngày 30/5/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu và Bản án số 283/2023/DS-PT ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh buộc vợ chồng anh T1, chị T2 có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 197.000.000 (Một trăm chín mươi bảy triệu) đồng.

[3.3] Xét thấy: anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 là người có nghĩa vụ trả nợ cho anh Phan Huy Tùng nhưng anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho em ruột anh T1 là anh Nguyễn Đức Anh K phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thửa 92, tờ bản đồ 55; đất tọa lạc ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản duy nhất của anh T1, chị T2. Hiện tại, anh T1, chị T2 không còn tài sản nào khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T.

[3.4] Anh T1, anh K xác định phần diện tích đất 501,2m<sup>2</sup> thực chất là của anh K, anh K nhờ anh T1 đứng tên giùm. Nay anh K có nhu cầu sử dụng nên lấy lại, do đó, các bên mới lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, anh T1, anh K không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh. Chị Nguyễn Thị T2 vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án mời làm việc nên không có ý kiến cũng như không cung cấp chứng cứ nào. Mặt khác, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất trên cho anh T1 và chị T2 thể hiện anh T1, chị T2 là người trực tiếp nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Năm, bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh T1, chị T2 với anh K là giả tạo, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh T1, chị T2 và anh K là vô hiệu theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Huy T về huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/5/2023 giữa anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 với anh Nguyễn Đức Anh K được công chứng tại Văn phòng Công chứng Bùi Văn H, đối với phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc số 92, tờ bản đồ 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chỉnh lý biến động ngày 14/6/2023 trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/5/2023 nhưng nay xác định hợp đồng vô hiệu nên cần kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Huy T không phải chịu án phí. Anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự; các điều 147, 157, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Huy T về yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/5/2023 giữa anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 với anh Nguyễn Đức Anh K được Văn phòng công chứng Bùi Văn H công chứng số 002522, quyền số 05/2023/TP/CC SCC/HĐGD đối với phần đất diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc số 92, tờ bản đồ 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là vô hiệu.

2. Anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 501,2m<sup>2</sup>, thuộc số 92, tờ bản đồ 55; đất tọa lạc tại ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Đức Anh K đứng tên sang cho anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 cho phù hợp với phần quyết định của bản án này.

### 3. Về án phí:

Anh Phạm Huy T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008694 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Đức T1, chị Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diễm My**